

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2024/DS-ST
Ngày: 06-5-2024
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Phong

Ông Phạm Văn Vũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Nhựt – Thư ký Tòa án.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024 tại phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 388/2023/TLST - DS ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Lê Thanh T, sinh năm 1974 (có mặt)

Nơi cư trú: Số D, ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

* **Bị đơn:**

1. Bà Trần Thị Thu E, sinh năm 1968 (có mặt)

2. Ông Lý Văn Đ, sinh năm 1959 (có mặt)

Cùng nơi cư trú: Số A, ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Thanh T trình bày:

Vào ngày 15/01/2015, bà Trần Thị Thu E và ông Lý Văn Đ có đến cửa hàng của tôi để mua thức ăn nuôi tôm với hình thức ghi sổ, mua nhiều lần đến ngày 29/08/2019 vợ chồng bà E, ông Đ không còn mua thức ăn của tôi nữa nhưng vẫn còn nợ tiền thức ăn của tôi. Sau đó tôi có đến nhà bà E, ông Đ để yêu cầu trả nợ thì bà E và ông Đ có xác nhận và ký nợ vào ngày 29/08/2019 với số tiền còn thiếu là

180.000.000 đồng (một trăm tám chục triệu đồng chẵn), đến ngày 22/01/2022 có trả được 5.000.000 đồng, số tiền bà E và ông Đ còn thiếu là 175.000.000 đồng. Tôi đã nhiều lần yêu cầu bà E, ông Đ trả số tiền còn thiếu nhưng bà E, ông Đ cố tình trì hoãn không trả. Tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị Thu E và ông Lý Văn Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho tôi số tiền 175.000.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng) yêu cầu trả một lần khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị Thu E trình bày:*

Tôi thừa nhận trước đây gia đình tôi có mua thuốc thức ăn nuôi tôm của ông Lê Thanh T nhiều lần và đến ngày 22/8/2019 thì hai bên có chốt lại số nợ tôi và ông Lý Văn Đ thừa nhận còn nợ ông Lê Thanh T số tiền 180.000.000 đồng, nhưng sau đó vợ chồng chúng tôi có trả được cho ông T 5.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại 175.000.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng), tôi và ông Lý Văn Đ đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Thanh T số tiền này nhưng xin được trả dần mỗi năm 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) cho đến khi hết nợ do hoàn cảnh gia đình khó khăn.

** Bị đơn ông Lý Văn Đ quá trình tụng và tại phiên tòa thống nhất lời trình bày của bà Trần Thị Thu E.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của ông Lê Thanh T vụ án có quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, bị đơn bà Trần Thị Thu E và ông Lý Văn Đ có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre có thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong vụ án này, quá trình tố tụng Tòa án không có tiến hành thu thập chứng cứ, đối tượng tranh chấp không phải là tài sản công, lợi ích công cộng, quyền sử dụng đất, nhà ở; không có đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi nên Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa là đúng quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Khi khởi kiện nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án bản chính hóa đơn đề ngày 28/01/2022 có nội dung “*Chú 5 Dứt nợ 180.000.000 gởi 5.000.000 còn 175.000.000*” (BL 43), một giấy viết tay có nội dung “*nợ 175.000 triệu, một trăm bảy mươi lăm triệu chẵn người nhận Thu E*” (BL 47). Xét việc thỏa thuận mua bán thức ăn nuôi tôm giữa ông Lê Thanh T với bà Trần Thị Thu E, ông Lý Văn Đ không được lập thành văn bản nhưng được hai bên thừa nhận xác lập trên cơ sở tự nguyện đúng các quy định của pháp luật nên được xem là hợp pháp. Quá trình tố

tụng và tại phiên tòa bà Trần Thị Thu E và ông Lý Văn Đ thừa nhận có nợ ông Lê Thanh T 175.000.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng) đây là vấn đề không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bà Thu E và ông Đ đồng ý trả số tiền 175.000.000 đồng cho ông T nhưng cho rằng đang gặp khó khăn về kinh tế xin được trả dần mỗi năm 20.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, nhưng yêu cầu này không được ông T đồng ý nên không có căn cứ xem xét. Ông Lê Thanh T khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Thu E và ông Lý Văn Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 175.000.000 đồng được bà Thu E, ông Đ thừa nhận nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Xét việc bà Trần Thị Thu E và ông Lý Văn Đ mua thức ăn nuôi tôm để phục vụ kinh tế gia đình, hiện nay bà Thu E và ông Đ là vợ chồng nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, khi vợ chồng tiến hành giao dịch nhằm phát triển kinh tế đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do ông Lý Văn Đ và bà Trần Thị Thu E đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần áp dụng khoản 2 Điều 91, 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27, 30, 37 Luật hôn nhân và gia đình buộc bà Trần Thị Thu E và ông Lý Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mua thức ăn là 175.000.000 đồng cho ông Lê Thanh T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu lãi suất chậm trả.

[4] Các bên đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Do khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Thanh T được chấp nhận nên bà Trần Thị Thu E và ông Lý Văn Đ phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.750.000 đồng (tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Tuy nhiên, do bà Trần Thị Thu E là thân nhân liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ và ông Lý Văn Đ là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và Điều 91, 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 430, 432, 433, 434, 440, 357 và 468 Bộ luật Dân sự; Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh T.

Buộc bà Trần Thị Thu E và ông Lý Văn Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Thanh T số tiền 175.000.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng)

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Do bà Trần Thị Thu E là thân nhân liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ và ông Lý Văn

Đ là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 6.324.000 đồng (sáu triệu ba trăm hai mươi bốn ngàn đồng) cho ông Lê Thanh T theo biên lai thu số 0000164 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đặng Văn Phương